

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HS-ST
Ngày 06-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Huy Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

1. HDH, sinh năm 1957 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 23 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà E; có vợ là F và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 16/HSST ngày 20/8/1982, Tòa án nhân dân huyện Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm thể lệ quản lý vũ khí chất nổ”; tại bản án số 179/HSST ngày 10/6/1997, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2017; có mặt.

2. DVB, sinh năm 1965 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông J (đã chết) và bà K; có vợ là L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2018; có mặt.

Bị hại:

Ông BH, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Số 137B đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo HDH: Ông O - Luật sư Công ty Luật P và Ông Q - Luật sư Văn phòng luật sư R – Điều thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo DVB: Ông S - Luật sư Văn phòng luật sư T - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng: Bà NLC1, chị NLC2, anh NLC3; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian ông BH và người của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng U (sau đây viết tắt là Công ty U) đang bị Cơ quan điều tra điều tra, xử lý về hành vi trốn thuế, NLC2 và NLC3 nói với BH biết HDH là chỗ quen biết của NLC3 có nhiều mối quan hệ, có thể lo việc không bị xử lý hình sự. BH đã bảo NLC3 chấp mỗi để BH gặp HDH nhờ giúp miễn trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U. NLC3 đã trao đổi, thống nhất với HDH về thời gian để BH gặp HDH bàn giải quyết việc trên. Khoảng 19 giờ ngày 07/11/2016, BH, NLC2, NLC3, NLC1 đến nhà HDH ở số 23 đường A, phường B quận C. Tại đây, BH nói với HDH về việc Công ty U có mua một số hóa đơn để đảo nợ, hiện đang bị Cơ quan điều tra điều tra về tội trốn thuế, BH nhờ HDH giúp việc miễn trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U, HDH nói HDH giúp được với điều kiện BH phải chi cho HDH 07 tỷ đồng. BH trình bày hoàn cảnh khó khăn với HDH sau đó HDH bảo BH đưa 05 tỷ đồng để HDH lo miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U. BH đồng ý và ra xe lấy 02 tỷ đồng mang vào nhà HDH bỏ ra bàn cho HDH xem và bảo HDH viết giấy biên nhận cho BH. HDH viết giấy biên nhận tiền ghi ngày 07/11/2016 đưa cho BH với nội dung: “*Tên tôi là HDH, số CMND: 030918690 địa chỉ số 23 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng có nhận của ông BH - giám đốc công ty cổ phần đầu tư và xây dựng U số tiền 05 tỷ đồng, hiện tại đã nhận 02 tỷ đồng, còn lại là 03 tỷ đồng để giải quyết công việc cho Công ty (theo thỏa thuận). Nếu giải quyết công*

việc không xong thì tôi sẽ hoàn lại toàn bộ số tiền đã nhận của ông BH (công việc là: miễn truy cứu trách nhiệm hình sự)". BH cầm giấy biên nhận tiền trên, tin và giao 02 tỷ đồng cho HDH. Khoảng 19 giờ ngày 08/11/2016, BH, NLC1, NLC2, NLC3 đến nhà HDH đưa tiếp cho HDH 03 tỷ đồng, HDH nhận tiền viết tiếp vào Giấy biên nhận ngày 07/11/2016 với nội dung: "ngày 08/11/2016 nhận của ông BH 03 tỷ đồng, tổng cộng đã nhận 05 tỷ đồng".

Sau khi đưa đủ 05 tỷ đồng cho HDH, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng (PC44) vẫn triệu tập và khởi tố BH và một số người của Công ty U về tội Trốn thuế nên BH đã nhiều lần gọi điện đòi tiền HDH nhưng HDH vẫn không trả.

Tại Cơ quan điều tra: Ban đầu HDH chỉ thừa nhận việc nhận 05 tỷ đồng của BH và viết giấy biên nhận như trên là do HDH và DVB thỏa thuận giúp BH xin dự án và đặt cọc dự án xây dựng một số công trình trong đó có dự án xây dựng khách sạn 4 sao tại V do Công ty 22/12 làm chủ đầu tư (DVB làm Phó giám đốc). Do tiền đã chi vào các dự án nên chưa thu hồi được trả BH. HDH, DVB không liên quan đến việc giúp BH và một số người của Công ty U được miễn trách nhiệm hình sự. Sau khi bị khởi tố, bắt tạm giam HDH khai nhận phù hợp lời khai của BH, NLC2, NLC3, NLC1. Ngoài ra HDH khai: khi được BH, NLC3 đặt vấn đề lo miễn trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U, HDH biết bản thân không có khả năng giúp được BH việc trên, HDH đã gặp và bàn bạc với DVB về việc BH nhờ. DVB nói giải quyết được với chi phí khoảng từ 05 đến 07 tỷ đồng. Sau khi bàn bạc với DVB, HDH gặp BH và nói HDH giúp được với chi phí là 07 tỷ đồng. Do BH trình bày điều kiện khó khăn, không có đủ tiền, nên HDH rút xuống còn 05 tỷ đồng. BH đồng ý và đã giao đủ 05 tỷ đồng cho HDH và HDH đã viết giấy biên nhận như trên. Sau khi nhận được tiền của BH, HDH đã đưa cho DVB 03 tỷ vào ngày 14/11/2016 để DVB lo miễn trách nhiệm hình sự cho BH và một số người trong công ty của BH. Khi đưa cho DVB 03 tỷ đồng, DVB đã tự viết giấy biên nhận đã nhận 03 tỷ đồng để lo cho Công ty U tham gia vào dự án, nhằm tránh việc truy xét của cơ quan chức năng nếu việc bị bại lộ, còn 02 tỷ đồng HDH dùng chỉ vào việc thi công dự án bờ kè ở làng W thị xã X, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thi công giữa HDH với Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng HATB do Y làm giám đốc. Sau này, thấy HDH không giải quyết được việc gì cho BH nên BH đã nhiều lần đòi tiền. Do HDH đã chi 03 tỷ đồng cho DVB và HDH đã chi 02 tỷ đồng vào công trình đang thi công, chưa thanh toán được nên HDH nhiều lần hứa hẹn và khất lần với BH việc trả nợ.

DVB ban đầu cũng khai về việc cùng HDH nhận tiền của BH để lo dự án cho Công ty U của BH, sau đó DVB thay đổi lời khai và nhận: HDH gặp DVB bàn bạc việc lo miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U, DVB có hỏi một số người qua mối quan hệ xã hội nhưng không tìm được

người có thể giải quyết được việc trên. DVB báo lại cho HDH biết là không giúp được. Do HDH, DVB đang cần tiền làm dự án nên HDH bàn bạc thống nhất với DVB cứ nhận lời lo giúp việc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho BH và người của Công ty U để lấy tiền của BH đầu tư vào các công trình của DVB và HDH. DVB đồng ý. Việc lấy bao nhiêu tiền của BH là do HDH tự quyết định. HDH đưa bao nhiêu tiền thì DVB nhận bấy nhiêu. HDH đã nhiều lần đưa cho DVB với tổng số tiền 2,8 tỷ đồng, trong đó 02 tỷ đồng là tiền lấy được của BH, HDH chia cho DVB, 800.000.000 đồng là tiền HDH đưa cho DVB để HDH góp vốn với DVB tham gia dự án xây dựng khu nghỉ dưỡng ở C. Ngoài ra, trước đó khoảng tháng 8/2016, HDH đưa cho DVB số tiền 200.000.000 đồng để HDH và NLC3 tham gia dự án xây dựng khách sạn 04 sao ở V của Công ty 22-12 (Công ty DVB làm Phó giám đốc). Tháng 4/2017, khi Ban nội chính thành ủy Hải Phòng gọi hỏi, HDH mới yêu cầu DVB viết giấy biên nhận số tiền HDH đưa là 3 tỷ đồng. HDH yêu cầu DVB viết theo nội dung HDH soạn sẵn ghi ngày 14/11/2016 để tránh việc xử lý của cơ quan chức năng. Sau này, khi BH gặp HDH nhiều lần để đòi tiền, HDH và DVB đã bàn bạc và thống nhất để DVB trực tiếp gặp giải thích cho BH. DVB đã gặp BH nói DVB đã đưa tiền cho Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Ban Nội chính để lo miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U để BH yên tâm và kéo dài thời gian trả tiền. Thực tế toàn bộ số tiền HDH đưa, DVB đã lấy đầu tư vào các dự án xây dựng trung tâm thương mại và khách sạn 4 sao ở V của Công ty cổ phần 22-12 và dự án khu nghỉ dưỡng ở C của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hoàn Vũ nên không còn tiền để trả BH. Đến trước khi bị khởi tố, DVB đã đưa cho HDH 500.000.000 đồng (gồm 3 lần chuyển khoản, 1 lần trực tiếp để trả cho BH). Sau khi HDH bị khởi tố, bắt giam, DVB đã trả tiếp cho BH 200.000.000 đồng.

Tiến hành đối chất giữa HDH, DVB thì DVB vẫn khẳng định, trước khi nhận tiền của BH, DVB đã nói với HDH là DVB không có khả năng lo được việc theo yêu cầu của BH nhưng vì cả hai đang cần tiền nên thống nhất với nhau cứ nhận lời với BH và vay tiền của BH để chi vào các công trình đang thi công của DVB và HDH. Việc HDH lấy bao nhiêu tiền của BH, HDH đưa bao nhiêu tiền cho BH trong số tiền đã nhận của BH là do HDH chủ động và quyết định.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 27 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo HDH, DVB về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Trong lời luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

1. HDH: 20 năm tù.

2. DVB: 20 năm tù

Phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông BH số tiền 2.800.000.000 đồng, trong đó HDH phải bồi thường 1.000.000.000 đồng, DVB phải bồi thường 1.800.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Philip kèm 02 sim điện thoại của DVB.

Quan điểm của Luật sư Q và Đinh Văn Nhật bào chữa cho bị cáo HDH: Không đồng ý với tội danh và tình tiết định khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố. Bởi lẽ: Việc đưa tiền và nhận tiền giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn khách quan. Lúc nhận tiền bị cáo HDH không có hành vi gian dối và chưa có ý thức chiếm đoạt tài sản của ông BH. Sau khi cầm tiền của bị hại, bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, hành vi của bị cáo chỉ phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Mặt khác, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất là nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử bị cáo mức án thấp dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm của Luật sư S bào chữa cho bị cáo DVB: Việc đại diện Viện kiểm sát kết luận hai bị cáo đồng phạm lừa đảo 5.000.000.000 đồng của ông BH là không đúng. Vì giữa bị cáo HDH và ông BH thỏa thuận giao, nhận với nhau số tiền 5.000.000.000 đồng, trong đó có 2.600.000.000 đồng là tiền bị cáo HDH sẽ phải nộp thuế cho Công ty của ông BH, chỉ có 2.400.000.000 đồng là dùng vào việc chạy án. Vì vậy, bị cáo DVB chỉ đồng phạm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với bị cáo HDH là 2.400.000.000 đồng. Số tiền 2.600.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của bị hại: Đồng ý về tội danh và tình tiết định khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị hại tự nguyện cho mỗi bị cáo 500.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không tranh luận với Kiểm sát viên. Tại lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đình HDH khai nhận bị cáo không có chức năng và khả năng lo miễn trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U nhưng do tin DVB có khả năng lo giúp được nên bị cáo và DVB đã bàn bạc lấy của ông BH từ 5.000.000.000 đến 7.000.000.000 đồng, bị cáo đã thỏa thuận và cầm của ông BH 5.000.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đưa cho DVB 3.000.000.000 đồng còn lại 2.000.000.000 đồng bị cáo sử dụng vào việc riêng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo DVB cũng khẳng định bản thân bị cáo không có khả năng lo miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U. Khi HDH nhờ, bị cáo không nhận lời giúp mà nói để bị cáo hỏi các mối quan hệ xã hội nhưng không được. Bị cáo đã thông báo với HDH là không lo được việc xin miễn trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U nhưng do cả 02 bị cáo đang cần tiền làm dự án nên đã bàn bạc với nhau cứ nhận lời lo giúp việc miễn trách nhiệm hình sự để lấy tiền của ông BH đầu tư vào các công trình của DVB và HDH. Việc lấy bao nhiêu tiền của ông BH là do HDH tự quyết định.

[3] Như vậy, căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa; căn cứ lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lợi dụng việc ông BH và người của Công ty U đang bị Cơ quan điều tra tiến hành điều tra về hành vi trốn thuế, mặc dù không có khả năng để lo miễn trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U nhưng do cần tiền để chi trả cho các công trình do HDH và DVB đang thi công nên HDH và DVB đã bàn bạc và thống nhất việc nhận lời giúp ông BH để chiếm đoạt tiền của ông BH. HDH đã gặp gỡ, trao đổi và hứa hẹn sẽ giúp được ông BH và công khai viết giấy biên nhận tiền nêu rõ công việc giúp ông BH

là được miễn trách nhiệm hình sự nên ông BH đã tin tưởng và giao 5.000.000.000 đồng cho HDH. Toàn bộ số tiền trên HDH và DVB đã chia nhau. Khi biết HDH và DVB không giúp được việc nên ông BH đã nhiều lần đòi nhưng HDH và DVB không trả. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo HDH, DVB phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Luật sư bào chữa cho bị cáo HDH cho rằng bị cáo không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà chỉ phạm tội Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Như đã phân tích ở trên, ngay từ đầu các bị cáo biết rõ mình không có chức năng và khả năng lo được việc Miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U nhưng vẫn bàn bạc để lấy tiền của ông BH. Bị cáo HDH trực tiếp thỏa thuận và viết giấy biên nhận ghi rõ công việc là xin miễn trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U, làm cho ông BH tin và giao tiền cho bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo HDH.

[5] Luật sư bào chữa cho bị cáo DVB cho rằng bị cáo DVB chỉ đồng phạm chiếm đoạt số tiền 2.400.000.000 đồng. Đối với số tiền 2.600.000.000 đồng là tiền bị cáo HDH cầm để nộp thuế cho Công ty của ông BH nên không tính vào tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt. Quan điểm này không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ: Ngay từ đầu các bị cáo có hành vi gian dối để chiếm đoạt toàn bộ số tiền 5.000.000.000 đồng của bị hại và thực tế số tiền đó sau khi lấy được các bị cáo đã chia nhau để sử dụng vào mục đích cá nhân mà không có việc nộp thuế hay lo miễn trách nhiệm hình sự cho ông BH và người của Công ty U.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo HDH và DVB có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của ông BH số tiền 5.000.000.000 đồng nên các bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Về số tiền các bị cáo chiếm đoạt: Bị cáo HDH khai, sau khi nhận số tiền 5.000.000.000 đồng của ông BH, bị cáo đã chia cho DVB 3.000.000.000 đồng, bị cáo được hưởng 2.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo DVB khai trong số 3.000.000.000 đồng bị cáo nhận của HDH, chỉ có 500.000.000 đồng là tiền bị cáo được chia trong số tiền các bị cáo bàn bạc chiếm đoạt của ông BH, 2.5000.000.000 đồng còn lại là tiền HDH góp vốn làm ăn với bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo HDH, căn cứ vào Giấy biên nhận do chính bị cáo DVB viết ngày 14/11/2016, có đủ căn cứ xác định, sau khi nhận 5.000.000.000 đồng của ông BH, bị cáo HDH đã chia cho bị cáo DVB 3.000.000.000 đồng.

[8] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần phải xét xử nghiêm.

[9] Về vai trò: Trong vụ án này HDH là người đề xuất với DVB đề lo giúp BH và người của Công ty U được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Cả hai bị cáo đều biết rõ việc này không thể thực hiện được nhưng vẫn cùng nhau bàn bạc, thống nhất để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông BH. HDH trực tiếp làm việc, thỏa thuận với ông BH, viết giấy biên nhận tiền và nhận số tiền 5.000.000.000 đồng từ ông BH. Số tiền trên HDH, DVB đã chia nhau, trong đó HDH được 2.000.000.000 đồng, DVB được 3.000.000.000 đồng. Mặc dù DVB là người tiếp nhận ý chí từ HDH nhưng số tiền chiếm đoạt DVB hưởng cao hơn, vì vậy, đánh giá vai trò của hai bị cáo là ngang nhau.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa mặc dù các bị cáo còn né tránh một phần hành vi phạm tội của mình nhưng cũng đã thừa nhận việc có bàn bạc chiếm đoạt tiền của bị hại và việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đánh giá các bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện trả lại cho người bị hại được 1.200.000.000 đồng (trong đó bị cáo HDH trả 500.000.000 đồng, DVB trả 700.000.000 đồng). Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[12] Như đánh giá ở đoạn [11], các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng xét về nhân thân bị cáo HDH có 02 tiền án, mặc dù đã xóa án tích nhưng vẫn bị coi là người có nhân thân không tốt. Bị cáo DVB trong quá trình điều tra đã đi khỏi địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại đến nay mới khắc phục được một phần. Vì vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[13] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự:

[14] Bị hại là ông BH yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy: Tại giai đoạn điều tra các bị cáo đã tự nguyện trả cho bị hại số tiền 1.200.000.000 đồng, trong đó bị cáo HDH trả được 500.000.000 đồng, bị cáo DVB trả được 700.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông BH tự nguyện cho mỗi bị cáo 500.000.000 đồng. Ông BH yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.800.000.000 đồng. Xét, số tiền này các bị cáo cùng thống nhất ý chí để lấy của ông BH nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông BH 2.800.000.000 đồng, trong đó HDH phải bồi thường 1.000.000.000 đồng, DVB phải bồi thường 1.800.000.000 đồng.

[15] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Philip kèm 02 sim số 0981206786 và 0888721962 của DVB. Tại phiên tòa bị cáo DVB khai đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với bị cáo HDH và ông BH về việc lo miễn truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[18] Đối với hành vi của ông BH và NLC1, NLC3, NLC2 do lo sợ bị xử lý về tội trốn thuế đã cùng nhau đến nhà HDH để BH đưa 5.000.000.000 đồng nhờ HDH lo giúp việc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho BH và một số người của Công ty U nhưng sau đó đã chủ động tố cáo hành vi phạm tội của HDH, DVB trước khi bị phát hiện nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với HDH và DVB, xử phạt:

HDH: 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2017.

DVB: 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2018.

Phạt tiền mỗi bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc các bị cáo HDH và DVB phải liên đới bồi thường cho ông BH số tiền 2.800.000.000đ (hai tỷ tám trăm triệu) đồng, trong đó: Bị cáo HDH phải bồi thường 1.000.000.000đ (một tỷ) đồng, bị cáo DVB phải bồi thường 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Philip, IMEI 1: 868922021488966 TMET2- 86892202158961 kèm 02 sim số 0981206786 và 0888721962.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo HDH phải nộp 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu) đồng, bị cáo DVB phải nộp và 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan thi hành án hình sự CATP;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam CATP;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Vân